VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 10 năm 2023 ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam và Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam

(Tiếp theo Công báo số 1105 + 1106)

Phụ lục I

DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
118	Cyhalofop-butyl 100g/l (170g/kg) + Ethoxysulfuron 10g/l (30g/kg) + Pyrazosulfuron-ethyl 50g/l (100g/kg) + Quinclorac 190g/l (500g/kg)	Sieuco 350SC, 800WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
119	Cyhalofop-butyl 90g/l + Ethoxysulfuron 20g/l + Quinclorac 190g/l	SupertopJapane 300OD	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
120	Cyhalofop-butyl 100g/l + Ethoxysulfuron 5g/l + Quinclorac 50g/l	Topone 155SE	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
121	Cyhalofop-butyl 100g/l + Ethoxysulfuron 5g/l + Quinclorac 55g/l	Fasta 160SE	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
122	Cyhalofop-butyl 100g/l + Metamifop 100g/l	Cyhafop 200EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
123	Cyhalofop-butyl 50g/l + Penoxsulam 10g/l	Andoshop 60OD	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Anstrong plus 60OD	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Calita 60OD	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Cleanshot 60OD	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Clinclip 60OD	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Long Hiệp
		Clinton 60OD	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông tín AG
		Comprise 60OD	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Hóc Môn
		Compass 60OD	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Cypen 60OD	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH SX và KD Tam Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Linchor top 60OD	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông
		Mundo-Super 60OD	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Điền Thạnh
		Pymeny 60EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		Ricedoctor 60OD	cỏ/lúa gieo thẳng	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
		Stopusamy 60EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Topgold 60OD	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Lion Agrevo
		Topmost 60OD	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ Nông nghiệp Chiến Thắng
		Topmy 60OD	cỏ/lúa gieo thẳng	Rotam Asia Pacific Limited
		Topnhat 60OD	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Topshot® 60OD	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
124	Cyhalofop-butyl 100g/l + Florpyrauxifen-benzyl 20g/l	Xevelo® 120EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
125	Cyhalofop-butyl 150g/l + Oxaziclomefone (min 96.5%) 150g/l + Pyrazosulfuron-ethyl 100g/l	Nosotco 400SC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
126	Cyhalofop-butyl 100g/l + Penoxsulam 10g/l	Topvip 110OD	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Vipes Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
127	Cyhalofop-butyl 8% + Penoxsulam 2%	Grass super 10OD	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TAT Hà Nội
128	Cyhalofop-butyl 150g/l + Penoxsulam 30g/l	Oxy 180OD	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Kỹ thuật NN I.FI
129	Cyhalofop-butyl 65g/l + Penoxsulam 10g/l	Het-shots 75OD	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Cali Agritech USA
130	Cyhalofop-butyl 60g/l + Penoxsulam 10g/l + Pyrazosulfuron-ethyl 20g/l	Topfull 90SE	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
131	Cyhalofop-butyl 120g/kg + Pyrazosulfuron-ethyl 50g/kg	Econogold 170WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
132	Cyhalofop-butyl 60g/l (600g/kg) + Pyrazosulfuron-ethyl 30g/l (150g/kg)	Tossup 90SC, 750WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
133	Cyhalofop-butyl 50g/l + Pyrazosulfuron-ethyl 10g/l	Đại tướng quân 60EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
134	Cyhalofop-butyl 75g/l + Pyrazosulfuron-ethyl 50g/l	Shotplus 125SC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
135	Cyhalofop-butyl 20% + Pyrazosulfuron-ethyl 5% + Quinclorac 30%	Map fanta 550WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Map Pacific Pte Ltd
136	Cyhalofop-butyl 200g/kg + Pyrazosulfuron-ethyl 50g/kg+Quinclorac 350g/kg	Dietcosuper 600WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
137	Cyhalofop-butyl 6.0% + Pyribenzoxim 2.5%	Pyanchor gold 8.5EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
138	Cyhalofop-butyl 60g/l + Pyribenzoxim 30g/l	Aman 90EC	cỏ/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
139	Cyhalofop-butyl 70g/l + Pyribenzoxim 30g/l	ANG-sachco 100EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
140	Cyhalofop-butyl 200g/l + Pyribenzoxim 50g/l	Super rim 250EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
141	Cyhalofop-butyl 90g/kg + Quinclorac 510g/kg	TAT Super Plus 600WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH A2T Việt Nam
142	Cyhalofop-butyl 150g/kg + Quinclorac 500g/kg	CO- 2X 650WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa nông Mê Kông
143	Cyhalofop-butyl 150g/kg + Quinclorac 400g/kg	Pitagor 550WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ Nông nghiệp Chiến Thắng
144	Dalapon (min 85%)	Dipoxim 80WP	cỏ/mía, xoài, vùng đất chưa canh tác	Công ty CP BVTV Sài Gòn
145	Dicamba (min 97%)	Rainvel 480SL	cỏ/cà phê	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
146	Diquat (min 95%)	Agro-quat 200SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH Asia Agro
		Aquat235 20SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Kỹ nghệ HGA
		Asaquat 200SL	cỏ/cao su	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		BC-Weedburn 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Biocrop
		Cochay 200SL	cỏ/ngô	Công ty TNHH Us Agro

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Diamond 200SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Liên doanh QT Fujimoto
		Difast 200SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Hóa nông AMC
		Dimaxonevb 20SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Vbook Hoa Kỳ
		Diraquat 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Diup 200SL	cỏ/cao su	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Dkquat 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Danken Việt Nam
		Falcao 200SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
		Faquatrio 20SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
		Gama 20SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		Gap quat 250SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH Gap Agro
		Glyximgold 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng Hà Nội
		Grass-king 20SL	cỏ/cao su	Công ty CP Quốc tế Việt Đức
		Halaquat 20SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Hóa chất NN Hà Lan

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Hamoxone 200SL	cỏ/cà phê, cao su	Công ty CP TM Hải Ánh
		Itaquat 20SL	cỏ/cao su	Công ty CP Itagro Việt Nam
		Mdiquat 200SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH MTV Mạnh Đan
		Niquat 200SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Nicotex
		Pesle super 374SL	cỏ/cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Pgapaxone 200SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH TCT Hà Nội
		Porto 200SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH Hóa chất Phân bón, Thuốc BVTV Dubai
		Quatdi 200SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
		Sundiquat 200SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Sunseaco Việt Nam
		T Flast 200SL	cỏ/cao su	Công ty CP Nông dược Nhật Thành
		Takao 250SL	cỏ/cà phê	Công ty CP BVTV I TW
		Vietquat 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH TM DV Vietcropchem
		Yonfire 200SL	cỏ/cà phê	Yongnong Biosciences Co., Ltd
		Zizu gold 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH ADC
147	Diuron (min 97%)	Ansaron 80WP, 500SC	**80WP:** cỏ/mía, cà phê, sắn **500SC:** cỏ/mía	Công ty CP BVTV Sài Gòn

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		BM Diuron 80WP	cỏ/mía	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd
		Deco Duron 80WP	cỏ/mía	Công ty CP Giải pháp Nông nghiệp Tiên Tiến
		D-ron 80WP	cỏ/mía, thanh long	Imaspro Resources Sdn Bhd
		Karmex® 80WP	cỏ/mía, chè, sắn	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Go 80WP	cỏ/mía	Nufarm Malaysia Sdn. Bhd.
		Misaron 80WP	cỏ/mía, dứa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Sanuron 800WP, 800SC	**800WP:** cỏ/mía, cà phê **800SC:** cỏ/bông vải, chè	Forward International Ltd
		Suron 80WP	cỏ/mía, bông vải	Công ty CP Nông dược HAI
		Trilla plus 80WG	cỏ/mía	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
		Xinron 800WG	cỏ/mía	Anhui Guangxin Agrochemical Co. Ltd.
		Vidiu 80WP	cỏ/mía, chè	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
148	Diuron 46.8% (468g/kg) + Hexazinone (min 95%) 13.2% (132g/kg)	Guang Diu 600WG	cỏ/mía	Anhui Guangxin Agrochemical Co. Ltd.
		Topcane 60WG	cỏ/mía	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
149	Diuron 160g/kg + Glufosinate ammonium 108g/kg	Diusinate 268SC	cỏ/cao su	Công ty CP BVTV Sài Gòn
150	Ethoxysulfuron (min 94%)	Canoda 15WG	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Minh Long
		Map salvo 200WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Map Pacific Pte Ltd
		Moonrice 15WG	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Kiên Nam
		Run life 15WG	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Sun-raise nongphat 15WG	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Nông Phát
		Sunrice 15WG	cỏ/lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
151	Ethoxysulfuron 20g/l (20g/kg) + Fenoxaprop-P-Ethyl 69g/l (69g/kg)	Turbo 89OD	cỏ/lúa gieo thẳng	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		T-ptubos 89WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Xanoprop 89SC	cỏ/lúa gieo thẳng	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
152	Ethoxysulfuron 35g/l (35g/kg) + MCPA 100g/l (100g/kg) + Pyrazosulfuron-ethyl 15g/l (15g/kg)	Kiss 150EC, 150WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH ADC
153	Ethoxysulfuron 23g/kg + Quinclorac 230g/kg	Map Top-up 253WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Map Pacific Pte Ltd

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
154	Fenoxaprop-P-Ethyl (min 88%)	anRUMA 6.9EC, 75SC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Challenger 6.9EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Sundat (S) PTe Ltd
		Golvips 7.5EW	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Quip-s 7.5EW	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Web Super 7.5SC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Wipnix 7.5EW	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
		Whip'S 6.9EC, 7.5EW	**6.9EC:** cỏ/lúa gieo thẳng **7.5EW:** cỏ/lúa, lạc	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
155	Fenoxaprop-P-Ethyl 75g/l (100g/kg) + Pyrazosulfuron-ethyl 50g/l (150g/kg) + Quinclorac 250g/l (225g/kg) + chất an toàn Fenclorim 50g/l (25g/kg)	Runtop 375SC, 775WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
156	Fenoxaprop-P-Ethyl 130g/kg + Pyrazosulfuron-ethyl 70g/kg + Quinclorac 500g/kg	Topgun 700WG, 700WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Map Pacific Pte Ltd
157	Fenoxaprop-P-Ethyl 8g/l + Pyribenzoxim 50g/l	Pyan-Plus 5.8EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
158	Fenoxaprop-P-Ethyl 1% + Pyribenzoxim 5%	TT-Runny 6EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Tân Thành
159	Flazasulfuron (min 95%)	Voi đỏ 750WP	cỏ/mía	Công ty TNHH An Nông
160	Florpyrauxifen-benzyl (min 92%)	Loyant® 25EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
161	Florpyrauxifen-benzyl 12.5g/l + Penoxsulam 20g/l	Novixid® 32.5OD	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
162	Fluazifop-P-Butyl (min 90%)	Bellow 15EC	cỏ/sắn, ớt	Công ty CP Hóc Môn
		Fuquy 150EC	cỏ/sắn	Công ty CP BVTV I TW
		Onecide 15EC	cỏ/lạc, đậu tương, sắn, bông vải, dưa hấu, cam, vừng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Oneness 150EC	cỏ/lạc	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Sai-one 15EC	cỏ/lạc, vừng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sinonvictor 15EC	cỏ/lạc	Sinon Corporation
		Uni-Weedout 15EC	cỏ/sắn	Công ty TNHH World Vision (VN)
163	Flufenacet (min 95%)	Tiara 60WP	cỏ/lúa cấy	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
164	Flumetsulam (min 97%)	Omega-Vando 800WG	cỏ/ngô	Công ty TNHH MTV BVTV Omega

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
165	Flumioxazin (min 96%)	Sumimax 50WP	cỏ/lạc, sắn	Công ty TNHH HC Sumitomo Việt Nam
		Weedie 51WG	cỏ/sắn	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
166	Flumioxazin 6% + Glufosinate ammonium 60%	Purger 66WP	cỏ/cà phê	Shandong Kesai Eagrow Co., Ltd.
167	Fluoroglycofen (min 95%) 10g/l + Glufosinate ammonium 190g/l	Conifa 200ME	cỏ/cà phê	Công ty CP Nông nghiệp HP
168	Fluoroglycofen-ethyl (min 95%) 15g/l + Glufosinate ammonium 225g/l	Glurio 240 OD	cỏ/cao su	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
169	Fomesafen (min 95%)	Gardona 250SL	cỏ/đậu tương	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Gorich 250SL	cỏ/đậu tương	Công ty CP Nông dược HAI
		Hetsure 250SL	cỏ/đậu tương	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
		Mesafen 250SL	cỏ/lạc	Công ty TNHH Phú Nông
		Metit top 250SL	cỏ/đậu tương	Công ty TNHH Pesticide Nhật Bản
		Midori 25SL	cỏ/đậu tương	Công ty CP Hóc Môn
		Nisafen 250SL	cỏ/đậu tương	Công ty CP Nicotex

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
170	Glufosinate ammonium (min 95%)	Ace gluffit 30SL	cỏ/cà phê	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
		AF-Fulsta 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Agrifuture
		Andofonat 200SL	cỏ/hồ tiêu	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Amegro 150SL	cỏ/cao su	Agria S.A.
		Amosate 200SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH Thuốc BVTV Thiên Bình
		Asupergras 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH TM Thái Nông
		AT-Sinat 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH TM Anh Thơ
		Avansta 150 SL	cỏ/cà phê	Imaspro Resources Sdn Bhd
		Bamboo 200SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Liên doanh Quốc tế Fujimoto
		Basta 15SL	cỏ/ca cao, hồ tiêu, mía, ngô, điều, cà phê	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Bastnate 200SL	cỏ/cà phê	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Batot 200SL	cỏ/cà phê	Công ty CP SX và TM Hà Thái
		BC-Weedkill 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Biocrop
		BM Hector 200SL	cỏ/cà phê	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd.
		BN-Gluxon 200SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Bảo Nông Việt
		Cháy rụi 150SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Tập đoàn An Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Daitai 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Nam Bộ
		Ebalstar 200SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Bigfive Việt Nam
		Erase 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH SX và TM HAI Long An
		Fasfix 150SL	cỏ/cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Fosina 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Fuglusina 18.02 SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Futai
		Gamasate-Pro 200SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Kỹ nghệ HGA
		Glogger 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Glu dragon 200SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH Rồng Đại Dương
		Glu-elong 15SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Glu-trust 200SL	cỏ/cà phê	Trustchem Co., Ltd.
		Glufast 200SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Nicotex Nam Thái Dương
		Glufo 200SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
		Glufo super 200SL	cỏ/cà phê	Công ty CP KHNN Vinacoop

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Glufoca 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		Glufocide 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Nam Bắc
		Glufonate 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Tấn Hưng Việt Nam
		Glufosat 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
		Glufosam 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH SX TM Greenstar
		Glufosan 200SL	cỏ/điều, cà phê, cao su	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Glumore 200SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Thịnh Vượng Việt
		Glunate 150SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Glunat PD 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
		Gluphadex 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Baconco
		Gluriver 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Glusat 200SL	cỏ/đất không canh tác	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Glusina 20SL	cỏ/cà phê, cao su	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Glux 200SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
		Gluvbusa 30SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Vbook Hoa Kỳ

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Gluxim super 200SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Hóa sinh Takashi Nhật Bản
		Gluxone Ultra 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Pesticide Nhật Bản
		Goodsin 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Goldcao 100SL	cỏ/cao su	Công ty CP Nông dược Nhật Thành
		Ground up 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Master AG
		Gussi Bastar 200SL	cỏ/cà phê, cao su	Công ty CP BMC Việt Nam
		Halanglufo 200SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Hóa chất NN Hà Lan
		Hallmark 150SL	cỏ/cao su, cà phê, điều, hồ tiêu	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
		Haydn 150SL	cỏ/cà phê	Sinon Corporation
		HD Newphosan Pro 200SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH QT Nông nghiệp vàng
		Helmer Brarita 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH B.Helmer
		Herstop 200SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Đồng Xanh
		Huracan 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Jetstar 18SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH SX và KD Tam Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Jiafosina 150SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Jianon Biotech (VN)
		Kamup 150SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng Hà Nội
		Kaza 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Danken Việt Nam
		Kenbast 15SL	cỏ/cà phê	Kenso Corporation (M) Sdn Bhd
		Lưỡi cày 200SL	cỏ/cao su	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
		Mazda 200SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		Metxi 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Vĩnh Nông Phát
		Mobai new 100SL	cỏ/cà phê, hồ tiêu, cao su	Shanghai Synagy Chemicals Company Limited
		Newfosinate 150SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH TCT Hà Nội
		Newgrasstk 200SL	cỏ/cà phê	Công ty CP XNK Thọ Khang
		Nimasinat 150SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Nicotex.
		Novi-grass 18.02SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Hóa chất Nông Việt
		Nutar 15SL	cỏ/cà phê	Nufarm Malaysia Sdn. Bhd

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Nuximsuper 20SL	cỏ/ngô, cao su	Công ty TNHH Phú Nông
		Paricide gold 200SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH Việt Đức
		Pass root 200SL	cỏ/cà phê, hồ tiêu, cao su	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Phalosat 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Phát Lộc
		Proof 150SL	cỏ/điều	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Q Star 18SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
		Renato 200SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Cửu Long
		Rojing 30SL	cỏ/cà phê, cao su	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd
		Ronglua 100SL	cỏ/mắc ca	Công ty CP BVTV ATC
		Rồng đỏ 200SL	cỏ/cà phê	Công ty CP BVTV I TW
		Simatop 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Agrofarm
		Samsinate 200SL	cỏ/cao su	Công ty CP SAM
		Samstar 18SL	cỏ/cao su, cà phê	Công ty CP SX TM - DV Ngọc Tùng
		Sanat 150SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Summit Agro Việt Nam
		Shina 18SL	cỏ/cao su, cà phê	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Sinasin 200SL	cỏ/cà phê	Sinamyang Group Pte Ltd
		Sinate 150SL	cỏ/cà phê, cao su	Công ty CP Hóc Môn

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Sunfosinat 200SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Sunseaco Việt Nam
		Tarang 280SL	cỏ/cà phê, điều	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Tiguan 150SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Tough Role 150SL	cỏ/hồ tiêu, cà phê, cao su	Công ty TNHH World Vision (VN)
		T-p glophosi 15SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Upland Premium 13.5SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
		US-sinate 200SL	cỏ/cao su	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		VT sate 150SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Woncar 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Wonderful Agriculture (VN)
		Wyncafos 10SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH DV TV ĐT Kim Cương
		Xglufa 200SL	cỏ/cà phê	Hubei Xingfa Chemicals Group Co., Ltd.
		Yostar 200SL	cỏ/cà phê	Yongnong Biosciences Co., Ltd.
171	Glufosinate ammonium 100g/l + MCPA 36g/l	Fast Fire 136SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH VTNN Trung Phong

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
172	Glufosinate ammonium 15% + MCPA 7%	Quick Star 22SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
173	Glufosinate ammonium 200g/l + Imazapyr (min 95%) 50g/l	Obaxim 250SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Nông nghiệp HP
174	Glufosinate ammonium 24% + Oxyfluorfen 8%	Fastoxy 32WP	cỏ/cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
175	Glufosinate-P (min 91%)	Lufo-P 10.9SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
		Yosky 10SL	cỏ/cà phê	Yongnong Biosciences Co., Ltd
176	Halosulfuron methyl (min 95%)	Halosuper 250WP	cỏ/lúa gieo thẳng, mía, ngô	Công ty TNHH An Nông
177	Haloxyfop-R-Methyl (min 94%)	Gallant® Super 108EC	cỏ/lạc, sắn	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Uni-Kickdown 10EC	cỏ/lạc	Công ty TNHH World Vision (VN)
178	Haloxyfop-p-methyl (min 94%)	Laoton 108EC	cỏ/sắn, lạc	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Picaroon 108EC	cỏ/đậu tương	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
		Vonta 108EC	cỏ/sắn, lạc	Công ty CP Bigfive Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
179	Hexazinone 50g/l + Imazapyr 150g/l	Noloco 200SL	cỏ/cao su	Công ty CP Nông nghiệp HP
180	Imazapic (min 96.9%)	Cadre 240SL	cỏ/mía, lạc, lúa gieo thẳng	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Imark 70WG	cỏ/lạc	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
181	Imazapic 175g/kg + Imazapyr 525g/kg	Kifix 70WG	cỏ/mía	BASF Vietnam Co., Ltd
182	Imazapic 262.5g/l + Imazapyr 87.5g/l	Mayoral 350SL	cỏ/mía	Công ty TNHH Adama Việt Nam
183	Imazethapyr (min 97%)	Dzo Super 10SL	cỏ/lạc, đậu tương, đậu xanh	Map Pacific Pte Ltd
		Rutilan 10SL	cỏ/lạc	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Vezir 240SL	cỏ/lạc	Công ty TNHH Adama Việt Nam
184	Imazosulfuron (min 97%)	Quissa 10SC	cỏ/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
185	Indanofan (min 97%)	Infansuper 150EC	cỏ/lúa gieo	Công ty TNHH An Nông
186	Indaziflam (min 93%)	Becano 500SC	cỏ/cao su, cam, cà phê, chè, thanh long, mía, sầu riêng, bưởi	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
187	Isoxaflutole (min 95%)	Merlin 750WG	cỏ/ngô	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Sunward 75WG	cỏ/ngô	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
188	Isoxaflutole 225g/l + Thiencarbazone-methyl (min 96.9%) 90g/l + chất an toàn Cyprosulfamide (min 95.5%) 150g/l	Adengo 315SC	cỏ/ngô	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
189	Lactofen (min 97%)	Combrase 24EC	cỏ/lạc, sắn	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Dusan 240EC	cỏ/lạc, đậu tương	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
190	MCPA (min 85%)	Newco 500SL	cỏ/ngô	Công ty TNHH US Agro
		Tot 80WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
191	Mefenacet (min 95%)	Mecet 50WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP SX TM Bio Vina
192	Mefenacet 39% + Pyrazosulfuron-ethyl 1%	Fezocet 40WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Trường Thịnh
193	Mefenacet 5g/kg + Pyrazosulfuron-ethyl 95g/kg	Pylet 100WP	cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP Khoa học CNC American
194	Metamifop (min 96%)	Coannong 200EC	cỏ/lúa gieo	Công ty TNHH An Nông
		Obatop 100EC	cỏ/lúa gieo	Công ty TNHH Liên Minh Nông Nghiệp Bền Vững
195	Metazosulfuron (min 88%)	Ginga 33WG	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
196	Metolachlor (min 96%)	Aqual 960EC	cỏ/lạc	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Dana - Hope 720EC	cỏ/lạc, ngô, bông vải	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Hasaron 720EC	cỏ/đậu tương	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
		Maestro 960EC	cỏ/lạc	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
197	Metolachlor 32% + Napropamide (min 93%) 3%	Long run 35EC	cỏ/ngô	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
198	Metolachlor 620g/l + Trifluralin 130g/l	Hypeclean 750EC	cỏ/sắn	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
199	S-Metolachlor (min 98.3%)	Ace Smetol 960EC	cỏ/ngô	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
		Barracuda 960EC	cỏ/ngô	Công ty TNHH Danken Việt Nam
		Dual Gold ® 960EC	cỏ/lạc, ngô, đậu tương, bông vải, mía, rau cải, rau mùi, rau muống	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Robust 960EC	cỏ/ngô	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		S-Maestro 960EC	cỏ/ngô	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
200	Metribuzin (min 95%)	Sencor 70 WP	cỏ/mía, khoai tây	Bayer Vietnam Ltd (BVL)

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
201	Metsulfuron-methyl (min 93%)	Alliance 20WG	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM ACP
		Alyando 200WG	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		Alyalyaic 200WG	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Alygold 200WG	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Alyrice 200WG	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Alyrate 200WG	cỏ/lúa cấy	Công ty CP Hatashi Việt Nam
		Alyrius 200WG	cỏ/lúa cấy	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Anly Gold 200WG	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Dany 20WG	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Ally® 20WG	cỏ/lúa, cao su	Công ty TNHH FMC Việt Nam
		Metsy 20WG	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Nolaron 20WG	cỏ/lúa cấy	Công ty CP Long Hiệp
		Soly 20WG	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Long Hưng
		Super-Al 20WG	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
202	Metsulfuron-methyl 7g/kg + Pyrazosulfuron-ethyl 148g/kg	Newrius 155WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
203	Mesotrione (min 97%)	ADU-Meso One 150SC	cỏ/ngô	Công ty TNHH ADU Việt Nam
		Kunzin 150SC	cỏ/ngô	Công ty CP Big Tree
		Mesoforce 48SC	cỏ/ngô	Công ty TNHH Danken Việt Nam
		Misung 15SC	cỏ/ngô	Công ty CP BMC Việt Nam
		NDMN-trione 400SC	cỏ/ngô	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
		Tik grass 15SC	cỏ/ngô, mía	Công ty CP XNK Thọ Khang
		Tgrass 15SC	cỏ/ngô	Công ty CP Nông dược Nhật Thành
		VT-trione 15SC	cỏ/ngô	Công ty TNHH CNSH Quốc tế Việt Thái
		Zamoca® 150SC	cỏ/ngô	Công ty CP Nicotex
204	Mesotrione 13.5% + Nicosulfuron 4.5%	Cornweed 18OD	cỏ/ngô	Công ty TNHH A2T Việt Nam
205	Mesotrione 75g/l + Nicosulfuron 30g/l	Gavan plus 105OD	cỏ/ngô	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
206	Molinate 327g/l + Propanil 327g/l	Prolinate 65.4EC	cỏ/lúa	Forward International Ltd

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
207	Nicosulfuron (min 94%)	Duce 75WG	cỏ/ngô	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Farich 40SC	cỏ/ngô	Công ty CP Nông dược HAI
		Luxdan 75WG	cỏ/ngô	Công ty CP Tập đoàn Điện Bàn
		Minarin 500WP	cỏ/ngô	Công ty TNHH Việt Thắng
		Nifuron 40OD	Cỏ/ngô	Công ty TNHH US Agro
		Samson 6OD	cỏ/ngô	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		WelkinGold 40SC, 40OD, 750WG, 800WP	**40SC, 40OD, 750WG:** cỏ/ngô **800WP:** cỏ/ngô, mía	Công ty TNHH An Nông
208	Orthosulfamuron (min 98%)	Kelion 50WG	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nichino Việt Nam
209	Oxadiargyl (min 96%)	A Safe-super 80WP	cỏ/lúa cấy	Công ty TNHH BVTV Đại Dương
		DN Oxabaxa 80WP	cỏ/lạc	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
210	Oxadiazon (min 94%)	Antaxa 250EC	cỏ/lạc	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Ari 25EC	cỏ/ngô, lúa gieo thẳng, lạc	Công ty TNHH - TM Thái Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Binhoxa 25EC	cỏ/lúa, lạc, đậu tương	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Canstar 25EC	cỏ/lạc, lúa sạ khô, hành	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Ronata 25EC	cỏ/đậu xanh	Công ty CP Nicotex
		RonGold 250EC	cỏ/lúa gieo thẳng, lạc, đậu tương	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Ronstar 25EC	cỏ/lúa, lạc	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
211	Oxadiazon 100g/l + Propanil 304g/l	Calnil 404EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
212	Oxaziclomefone (min 96.5%)	Full house 30SC	cỏ/lúa gieo thẳng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
213	Oxyfluorfen (min 97%)	Goal™ 240EC	cỏ/đậu xanh	Công ty TNHH Summit Agro Việt Nam
214	Oxyfluorfen 140g/l + Pendimethalin 200g/l	Penuron 340EC	cỏ/lạc	Công ty TNHH ADU Việt Nam
215	Pendimethalin (min 90%)	Accotab 330EC	cỏ/lạc, lúa gieo thẳng; diệt chồi/thuốc lá	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Caojin 34EC	cỏ/đậu tương	Sinon Corporation
		Fist super 38.7CS	cỏ/lạc	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Goalpen 330EC	cỏ/lạc	Công ty TNHH Goal
		Halosun 450CS	cỏ/lạc	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		Pendi 330EC	cỏ/lạc, diệt chồi nách/thuốc lá	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Pendipax 500EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Vigor 33EC	cỏ/lúa gieo thẳng, đậu tương, ngô, lạc	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
216	Pentoxazone (min 97%) 250g/l (600g/kg) + Pyrazosulfuron-ethyl 50g/l (100g/kg)	Kimpton 300SC, 700WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
217	Penoxsulam (min 98.5%)	Clipper® 25OD, 240SC	**25OD:** cỏ/lúa gieo thẳng **240SC:** cỏ/lúa gieo thẳng, cỏ/lúa cấy	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
218	Pretilachlor (min 95%)	Agrofit super 300EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP CNC Thuốc BVTV USA
		Difit 300EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
219	Pretilachlor 300g/l + chất an toàn Fenclorim 100g/l	Acofit 300EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Ansiphit 300EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Bigson-fit 300EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Ceo 300EC	cỏ, lúa cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông
		Chani 300EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
		Chesaco 300EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Tập đoàn King Elong

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Denofit 300EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Lion Agrevo
		Dodofit 300EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Elipza 300EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông nghiệp HP
		ET-Polorim 300EC	cỏ/lạc	Shanghai E-tong Chemical Co., Ltd.
		Fenpre 300EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Đồng Xanh
		Jiafit 30EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Ladofit 300EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Legacy 300EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nam Bộ
		Map-Famix 30EC, 30EW	**30EC:** lúa cỏ/lúa gieo thẳng **30EW:** cỏ/lúa gieo thẳng	Map Pacific Pte Ltd
		Nôngia-an 300EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Nichiral 300EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Rice up 300EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
		Sonic 300EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Sotrafix 300EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Starfit 300EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Super-kosphit 300EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH OCI Việt Nam
		Supperfit 300EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Global Farm
		Tophiz 300EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Eastchem Co., Ltd
		Trihamex 300EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		Tung rice 300EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Sofit® 300EC	cỏ, lúa cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Venus 300EC	cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Vithafit 300EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Vifiso 300EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Xophicusa 300EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Xophicloinong 300EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH US.Chemical
		Xophicannong 300EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Weeder 300EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
220	Pretilachlor 310g/l + chất an toàn Fenclorim 100g/l	Robin 310EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
221	Pretilachlor 350g/l (350g/l) + chất an toàn Fenclorim 100g/l (120g/l)	Eurofit 350EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Sonata 350EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Trường Thịnh
222	Pretilachlor 300g/l (342g/kg) + chất an toàn Fenclorim 100g/l (114g/kg)	Prefit 300EC, 342WP	**300EC:** cỏ/lúa **342WP:** cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV I TW
223	Pretilachlor 360g/l + chất an toàn Fenclorim 120g/l	Buffalo 360EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Hóc Môn
224	Pretilachlor 360g/l + chất an toàn Fenclorim 150g/l	Dietmam 360EC	cỏ, lúa cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH ADC
		Tanfit 360EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Tomtit 360EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn
225	Pretilachlor 400g/l (400g/l) + Chất an toàn Fenclorim 120g/l (100g/l)	Accord 400EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
		Nanoxofit Super 400EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
226	Pretilachlor 500g/l + Chất an toàn Fenclorim 150g/l	Cleanco 500EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Delta Cropcare
		Wind-up 500EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Tân Thành

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
227	Pretilachlor 330g/kg + Bensulfuron-methyl 40g/kg + chất an toàn Fenclorim 110g/kg	Premium 370WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
228	Pretilachlor 40% + Pyrazosulfuron-ethyl 1.4%	Trident 41.4EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH UPL Việt Nam
229	Pretilachlor 300g/l + Pyrazosulfuron-ethyl 15g/l	Novi mars 315EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông Việt
230	Pretilachlor 287g/l + Pyribenzoxim 19g/l	Saly 306EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông nghiệp HP
231	Pretilachlor 300g/l + Pyribenzoxim 20g/l	Eonino 320EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa nông Lúa Vàng
		Hiltonusa 320EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
		Solito® 320EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
232	Propanil (DCPA) (min 95%)	Map-Prop 50 SC	cỏ/lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Propatox 360EC	cỏ/lúa	Forward International Ltd
		Bm Weedclean 80WG	cỏ/lúa gieo thẳng	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd
233	Propanil 200g/l + Thiobencarb 400g/l	Satunil 60EC	cỏ/lúa, cỏ/lúa gieo thẳng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
234	Profoxydim (min 99.6%)	Tetris 75EC	cỏ/lúa	BASF Vietnam Co., Ltd.
235	Propaquizafop (min 92%)	Agil 100EC	cỏ/lạc	Công ty TNHH Adama Việt Nam
236	Propyrisulfuron (min 94%)	Zeta one 10SC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
237	Propisochlor 200g/kg + Pyrazosulfuron-ethyl 50g/kg	V-T Rai 250WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
238	Pyrazosulfuron-ethyl (min 97%)	Aicerus 100WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Amigo 10 WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM ACP
		Ansius 10 WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Buzanon 10WP	cỏ/lúa gieo thẳng	FarmHannong Co., Ltd.
		Herrice 10 WP	cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP Đồng Xanh
		Pyrasus 10WP	cỏ/lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty CP Nicotex
		Rossiitalia 100WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Rus-annong 10WP, 200SC, 700WG	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Russi 10WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Saathi 10WP	cỏ/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Silk 10WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Sirius 10WP, 70WG	cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
		Sontra 10WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Star 10WP	cỏ/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Surio 10WP	cỏ/lúa cấy	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Sunriver 10WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Sunrus 100WP, 150SC	**100WP:** cỏ/lúa gieo thẳng, lúa cấy **150SC:** cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Tungrius 10WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Virisi 25SC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Vu gia 10WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
239	Pyrazosulfuron-ethyl 0.6% + Pretilachlor 34.4%	Parany 35WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
	Pyrazosulfuron-ethyl 5g/l + Pretilachlor 295g/l + Chất an toàn Fenclorim 100g/l	Parany 300EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
240	Pyrazosulfuron-ethyl 2.0% + Quinclorac 32.5%	Accura 34.5WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM ACP
241	Pyrazosulfuron-ethyl 30g/kg + Quinclorac 220g/kg	Genius 25WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
242	Pyrazosulfuron-ethyl 3% + Quinclorac 47%	Nasip 50WP	cỏ/lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty CP Nicotex
		Sifa 50WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Đồng Xanh
		Siricet 50WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
243	Pyrazosulfuron-ethyl 30g/l + Quinclorac 470g/l	Sunquin 50SC	cỏ/lúa gieo thẳng	Sundat (S) Pte Ltd
244	Pyrazosulfuron-ethyl 30g/kg (15g/l) + Quinclorac 470g/kg (235g/l)	Fasi 50WP, 250OD	cỏ/lúa gieo thẳng	Map Pacific Pte Ltd

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
245	Pyrazosulfuron-ethyl 50g/l (30g/kg) + Quinclorac 200g/l (470g/kg)	Ozawa 250SC, 500WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
246	Pyrazosulfuron-ethyl 50g/l + Quinclorac 250g/l	Viricet 300 SC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Rbcfacetplus 300SC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
247	Pyrazosulfuron-ethyl 50g/kg + Quinclorac 450g/kg	Bomber TSC 500WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Lion Agrevo
		Grassdie 500WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Quinpyrad 500WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Bình Điền MeKong
		Quipyra 500WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông Việt
		Sitafan 500WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Siftus 500WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP CN Hóa chất Nhật Bản Kasuta
		Tanrius 500WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Vinarius 500WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược Việt Nam
248	Pyrazosulfuron-ethyl 30g/kg + Quinclorac 470g/kg	Andophasi 500WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
249	Pyrazosulfuron-ethyl 40g/kg + Quinclorac 565g/kg	Famirus 605WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
250	Pyribenzoxim (min 95%)	Decoechino 30EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Giải pháp NN Tiên Tiến
		Kato 51EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
		Kenji 30EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Vỹ Tâm
		Pyanchor 5EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Pysaco 30EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
		Ω-Riben 5ME	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH BVTV Omega
251	Quinclorac (min 96%)	Adore 25SC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược HAI
		Angel 25 SC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM ACP
		Dancet 25SC, 50WP, 75WG	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Denton 25SC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Kiên Nam
		Ekill 25SC, 37WG	cỏ/lúa gieo thẳng	Map Pacific Pte Ltd
		Facet® 25SC	cỏ/lúa gieo thẳng	BASF Vietnam Co., Ltd.

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Farus 25SC	cỏ/lúa gieo thẳng	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Fasetusa 250SC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Fony 25SC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		Forwacet 50WP	cỏ/lúa	Forward International Ltd
		Naset 25SC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
		Nomicet 250SC, 500WP	**250SC:** cỏ/lúa gieo thẳng **500WP:** cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Paxen - annong 25SC, 500WG	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Tancet 250SC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Vicet 25SC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
252	Quizalofop-P-Ethyl (min 98%)	Azuca 8.8EC	cỏ/lạc	Công ty TNHH Thuốc BVTV Thiên Bình
		Broadsafe 200EC	cỏ/đậu tương	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
		Cariza 5EC	cỏ/đậu tương, sắn	Công ty CP Nicotex

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Fagor 50EC	cỏ/sắn	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn
		Future 50EC	cỏ/sắn	Shanghai E-tong Chemical Co., Ltd.
		Greensun 50EC	cỏ/lạc	Công ty TNHH Nam Nông Phát
		Hetcocan 5EC	cỏ/sắn	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Itani 5EC	cỏ/sắn, đậu tương	Công ty CP Hóc Môn
		Maruka 5EC	cỏ/sắn, lạc, vừng, đậu tương	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Quizalo 50EC	cỏ/đậu tương	Công ty TNHH Phú Nông
		Quizamaxx 15.8EC	cỏ/đậu tương	Công ty TNHH SX và KD Tam Nông
		Quiza super 50EC	cỏ/đậu tương	Công ty TNHH Tập đoàn An Nông
		Tar Zang 50EC	cỏ/đậu tương	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Targa Super 5EC	cỏ/lạc, sắn, bông vải, đậu tương, vừng, khoai mỡ	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
		TT-Jump 5EC	cỏ/đậu tương	Công ty TNHH TM Tân Thành

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Vua cỏ 50EC	cỏ/sắn	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
253	Quizalofop-P-tefuryl (min 95%)	Nuxim gold 40EC	cỏ/đậu tương	Công ty TNHH Phú Nông
254	Sethoxydim (min 94%)	Nabu S 12.5EC	cỏ/lúa, đậu tương	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
255	Simazine (min 97%)	Sipazine 80WP	cỏ/mía, ngô	Forward International Ltd
		Visimaz 80WP	cỏ/ngô, cam	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
256	Tefuryltrione (min 97%) 200g/l + Triafamone 100g/l	Council Complete 300SC	cỏ/lúa gieo thẳng	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
257	Terbuthylazine (min 97%)	Alazine 50SC	cỏ/ngô	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
258	Topramezone (min 96%)	Clio 336SC	cỏ/ngô	BASF Vietnam Co., Ltd
		Topmazin 336SC	cỏ/ngô	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Topzone 4OD	cỏ/ngô	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
259	Triafamone (min 93%)	Council prime 200SC	cỏ/lúa gieo thẳng	Bayer Vietnam Ltd (BVL)

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
260	Trifluralin (min 94%)	Triflurex 48EC	cỏ/đậu tương	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		VT Rallin 480EC	cỏ/lạc	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
4. Thuốc trừ chuột:				
1	Barium sulfate (min 99%) 20% + Difennuozhi (min 95%) 0.02%	Rat-ba 20.02RB	chuột/đồng ruộng	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
2	Brodifacoum (min 91%)	Bachuot TAT 0.005%DR	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH TAT Hà Nội
		Catpro 0.005RB	chuột/đồng ruộng	Công ty CP SX và TM Hà Thái
		Diof 0.006AB, 5DP	chuột/đồng ruộng	Công ty CP Enasa Việt Nam
		Fadirat 0.005RB	chuột/đồng ruộng	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Gaulois 0.005% RB	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Klerat® 0.005% wax block bait, 0.005 pellete	**0.005%Wax block bait:** chuột/nhà, kho tàng, chuồng trại, đồng ruộng, nơi công cộng **0.005 pellete:** chuột trong quần cư, nhà kho	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Forwarat 0.005% wax block	chuột/đồng ruộng, quần cư	Forward International Ltd

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Newfago 5DP	chuột/đồng ruộng	Công ty CP S New Rice
		Sago-Rat 0.005RB	chuột/đồng ruộng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Snake-K 0.005RB	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
		Vifarat 0.005% AB	chuột/đồng ruộng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
3	Bromadiolone (min 97%)	Antimice 0.006GB, 3DP	chuột/đồng ruộng	Công ty CP ENASA Việt Nam
		Bellus 0.005AB	chuột/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Broma 0.005AB	chuột/lúa	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
		Diroma 0.005RB	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH B.Helmer
		Cat 0.25WP	chuột/đồng ruộng	Công ty CP TST Cần Thơ
		Hicate 0.25WP, 0.08AB	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH SP Công nghệ cao
		Killrat 0.005 Wax block	chuột/đồng ruộng, quần cư	Forward International Ltd
		Kingcat 0.05RB	chuột/đồng ruộng	Công ty CP Hóa nông AMC
		Lanirat 0.005GR	chuột/trang trại, kho tàng, quần cư	Elanco Animal Health
		Pesmos 0.25WP	chuột/đồng ruộng	Agria S.A.

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Phokeba 0.005RB	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
4	Coumatetralyl (min 98%)	DN Rakumax 0.0375RB	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH TM DV Đức Nông
		Racumin 0.75TP	chuột/đồng ruộng, kho, trang trại	Environmental Science U.S. LLC.
		Ratmiu 0.0375DR, 0.75TP	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
5	Diphacinone (min 95%)	Gimlet 800SP, 0.2GB	chuột/lúa	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
		Kaletox 200WP	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Linh miêu 0.5WP, 0.2GB	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH TCT Hà Nội
		QT 92 800WP	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
6	Flocoumafen (min 97.8%)	Coumafen 0.005% wax block	chuột/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Krats 0.005% pellet	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH Phú Nông
		Rodenkil 0.005%RB	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Smithian 0.005% Block	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH US Agro
		Ratcom Plus 0.005% Block Bait	chuột/đồng ruộng	Công ty CP US Farm Việt Nam
		Storm 0.005% block bait	chuột/đồng ruộng, quần cư	BASF Vietnam Co., Ltd.
7	Sulfur 33% + Carbon	Woolf cygar 33%	chuột/trong hang	Công ty CP Giải pháp Nông nghiệp Tiên Tiến
8	Warfarin (min 95%)	Killmou 2.5DP	chuột/đồng ruộng	Công ty CP ENASA Việt Nam
		Ran part 2%DS, 0.6AB	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Rat K 2%DP	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Rasger 20DP	chuột/đồng ruộng	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
		Rat-kill 2%DP	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
		Rodent 2DP	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
5. Thuốc điều hòa sinh trưởng:				
1	α-Naphthyl acetic acid	Acroots 10SL	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		HQ-301 Fructonic 1% SL	kích thích sinh trưởng/lúa, ngô, cà phê, nho	Cơ sở Nông dược sinh nông
2	ANA, 1- NAA + β-Naphtoxy Acetic Acid (β-N.A.A) + Gibberellic acid - GA3	Kích phát tố hoa - trái Thiên Nông	kích thích sinh trưởng/cà phê, lúa, vải, nhãn, đậu, lạc, cà chua, ớt, dưa, bầu bí, cây có múi, bông vải	Công ty Hóa phẩm Thiên nông
3	ATCA 5.0% + Folic acid 0.1%	Samino 5.1SL	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
4	Auxins 11mg/l + Cytokinins 0.031mg/l + Gibberellic 6.0mg/l	Kelpak SL	kích thích sinh trưởng/lúa, thanh long, bắp cải, chè, dưa hấu, cam, nho, cà phê	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
5	Brassinolide (min 98%)	Dibenro 0.15WP, 0.15EC	kích thích sinh trưởng/lúa, đậu tương, ngô, dưa chuột, hoa cúc, cải xanh, xoài.	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Cozoni 0.1SP, 0.0075SL	kích thích sinh trưởng/lúa, chè	Công ty CP Nicotex
		Nyro 0.01SL, 0.1SP	**0.01SL:** kích thích sinh trưởng/cam, lúa, cải xanh, ớt, xoài, cà chua, khoai lang **0.1SP:** kích thích sinh trưởng/lúa, bưởi, cải xanh	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		Rasino 0.018WP	kích thích sinh trưởng/cam	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Rice Holder 0.0075SL	kích thích sinh trưởng/lúa, hồ tiêu, cà phê, xoài	Chengdu Newsun Crop Science Co., Ltd.

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		TT-biobeca 0.1SP	kích thích sinh trưởng/lúa, bắp cải, cà chua, thanh long, hồ tiêu	Công ty TNHH TM Tân Thành
6	Brassinolide 2g/kg + Salicylic acid 150g/kg	Bracylic 152WP	kích thích sinh trưởng/cải xanh, lúa, đậu tương, xoài	Công ty TNHH An Nông
7	28-Homobrassinolide (min 95%)	Brassica 0.0075SL	kích thích sinh trưởng/cải bắp	Công ty TNHH TM DV Đức Nông
8	24-Epibrassinolide (min 90%)	Brano 0.01SL	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Catsuper 0.015SP, 0.01SL	kích thích sinh trưởng/thanh long, lúa, cam	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
		Newbra 0.01SL	kích thích sinh trưởng/thanh long	Công ty CP S New Rice
		Thalybas 0.01SL	kích thích sinh trưởng/thanh long, cam, xoài	Công ty TNHH Tấn Hưng Việt Nam
9	24-Epibrassinolide 0.002% + Gibberellic acid A4, A7 0.398%	VTL Super 0.4SL	kích thích sinh trưởng/thanh long, lúa	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
10	4-indol-3-ylbutyric acid (IBA) (min 98%)	Roots-super 10SL	kích thích sinh trưởng/thanh long, lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
11	Chlormequat (min 97%)	Chowon 550SL	điều hòa sinh trưởng/ngô	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
12	Cytokinin (Zeatin)	3G Giá giòn giòn 1.5WP	kích thích sinh trưởng/giá đậu xanh	Công ty TNHH Ngân Anh
		Acjapanic 1.6WP	kích thích sinh trưởng/lúa, thanh long, cà phê, rau muống, hồ tiêu	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Agsmix 5.6SL	kích thích sinh trưởng/bắp cải, chè	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Agrispon 0.56SL	kích thích sinh trưởng/bắp cải, lạc, lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
13	Cytokinin 0.1% + Gibberellic 0.05%	Sieutonic 15WG	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
14	Daminozide (min 99%)	B-Nine 85SG	điều hòa sinh trưởng/hoa cúc	Công ty TNHH UPL Việt Nam
15	Dịch chiết từ cây *Lychnis viscaria*	Comcat 150WP	kích thích sinh trưởng/chè, nho, lúa, nhãn, sắn, cam, dâu tây, vải thiều, xoài, thanh long, dưa hấu, cải bó xôi, bắp cải, cà chua, dưa chuột, bí đao, hành, hẹ, cà rốt, lúa, ngô, đậu tương, phong lan; ức chế bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá, giúp lúa phục hồi, tăng trưởng; xử lý hạt giống để điều hòa sinh trưởng/lúa, ngô	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng Hậu Giang
16	Diethyl aminoethyl hexanoate (min 98%) 7.99% + 14-Hydroxylated brassinosteroid (min 90%) 0.01%	Frusome 8SL	kích thích sinh trưởng/cà chua	Brightmart Cropscience Co., Ltd.
17	Ethephon (min 91%)	Adephone 25PA, 480SL	**25PA:** kích thích mủ/cao su **480SL:** kích thích ra hoa/dứa, kích thích mủ/cao su	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Callel 2.5PA	kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH UPL Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Dibgreen 2.5PA	kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Effort 2.5PA	kích thích mủ/cao su	Công ty CP Nông dược HAI
		Elephant 5PA	kích thích mủ/cao su	Công ty CP Đồng Xanh
		Ethrel 10PA, 480SL	kích thích mủ/cao su	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Etfon 480SL	kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		Forgrow 5PA	kích thích mủ/cao su	Forward International Ltd
		Kinafon 2.5PA	kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH Kiên Nam
		Latexing 2.5PC	kích thích mủ/cao su	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd
		Lephon 40SL	kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH MTV SNY
		Mamut 2.5PA	kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Onehope 480SL	kích thích mủ/cao su	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Revenue 25PA	kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Sagolatex 2.5PA	kích thích mủ/cao su	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sieuramu 50PA	kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH An Nông
		Sun thephone 400SL	kích thích mủ/cao su	Công ty CP Sunseaco Việt Nam
		TB-phon 2.5LS	kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Telephon 2.5LS	kích thích/mủ cao su; kích thích ra hoa/hoa mai	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
18	Forchlorfenuron (min 97%)	Acura 10SC, 10WG	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Birantin 0.1SL	kích thích sinh trưởng/hồ tiêu, cà phê	Công ty CP Nông dược HAI
19	Fugavic acid	Siêu to hạt 25SP	kích thích sinh trưởng lúa, ngô, lạc, hồ tiêu	Công ty TNHH TM - SX Phước Hưng
20	Fulvic acid	Siêu Việt 250SP, 300SL	**250SP:** kích thích sinh trưởng/lúa, cải bẹ xanh, cải bó xôi, chè **300SL:** kích thích sinh trưởng/lúa, đậu xanh, cà phê, cải xanh	Công ty TNHH An Nông
		Supernova 300SL, 700SP	**300SL:** kích thích sinh trưởng/cà phê, đậu xanh, cải ngọt, lúa **700SP:** kích thích sinh trưởng/lúa, cải bẹ xanh, chè	Công ty TNHH US.Chemical
21	Gibberellic acid (min 90%)	Ac Gabacyto 50TB, 100SP, 200WP	**50TB, 200WP:** kích thích sinh trưởng/lúa **100SP:** kích thích sinh trưởng/lúa, thanh long, xoài, cam	Công ty TNHH MTV Lucky
		Agrohigh 2SL, 3.8EC, 20TB, 40SP	**2SL:** kích thích sinh trưởng/lúa, bắp cải, hoa cúc **3.8EC:** kích thích sinh trưởng/chôm chôm **40SP:** kích thích sinh trưởng/lúa, bắp cải **20TB:** kích thích sinh trưởng/lúa, cà phê	Công ty TNHH Kiên Nam
		Ankhang 20WT	kích thích sinh trưởng/lúa, cà chua, đậu tương, chè, cải bẹ, ngô, dưa chuột	Công ty TNHH Trường Thịnh

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Arogib 100SP, 200TB	**100SP:** kích thích sinh trưởng/lúa, cải bẹ xanh, đậu côve **200TB:** kích thích sinh trưởng/cam, đậu côve	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		A-V-Tonic 10WP, 18SL, 50TB	**10WP:** kích thích sinh trưởng/cải xanh, hoa hồng, lúa **18SL:** kích thích sinh trưởng/cải xanh, dưa chuột, lúa, cam **50TB:** kích thích sinh trưởng/cải xanh, dưa chuột, hoa hồng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Azoxim 20SP	kích thích sinh trưởng/chè, lúa	Công ty CP Nicotex
		Bebahop 40WP	kích thích sinh trưởng/cà chua, bắp cải, dưa chuột, hoa hồng, chè, lúa	Công ty TNHH Nông Sinh
		Colyna 200TB	điều hòa sinh trưởng/lúa, thanh long, cà phê, cà chua, hồ tiêu, vải, chè	Công ty CP Nông dược HAI
		Đầu Trâu KT Supper 100 WP	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
		Dogoc 5TB	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Dolping 40EC	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Dovagib 20TB	kích thích sinh trưởng/sầu riêng, xoài, dưa hấu, nhãn	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Gibbone 200WP, 40EC, 50TB	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Gold gibb 20ST	kích thích sinh trưởng/cà phê	Công ty TNHH Tam Ngọ
		Egibo 80SG	kích thích sinh trưởng/bắp cải, thanh long	Công ty TNHH SX và TM RVAC
		Falgro 10SP, 18.4TB	**10SP:** kích thích sinh trưởng/lúa, nho, thanh long, dưa hấu, cam, bắp cải, chè **18.4TB:** kích thích sinh trưởng/thanh long, bắp cải, chè, cam, lúa, dưa hấu, nho	Công ty TNHH Hóa nông Lúa Vàng
		G3Top 3.33SL, 20TB, 40SG	kích thích sinh trưởng/lúa, bắp cải, dưa hấu, đậu tương, xoài	Công ty TNHH Phú Nông
		GA_3 Super 100SP, 200TB, 200WP	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH US.Chemical
		Gibbeny 10WP, 20TB	**10WP:** kích thích sinh trưởng/dưa chuột **20TB:** kích thích sinh trưởng/lúa, dưa chuột, rau cải xanh, dâu tây, thanh long	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		Gib-CA 800SG	kích thích sinh trưởng/lúa, thanh long, bưởi	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
		Gib-Asia 40TB, 100WP, 400WG, 800SG	**40TB:** kích thích sinh trưởng/thanh long, lúa, cải bắp **100WP:** kích thích sinh trưởng/thanh long, lúa **400WG, 800SG:** kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Asia Agro

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Gib ber 2SP, 2SL, 20TB, 40WG	**2SP:** kích thích sinh trưởng/rau cần, xoài, cam, dưa hấu, rau muống, thanh long **2SL:** kích thích sinh trưởng/rau cần, rau cải, cà chua, chè, rau muống, thanh long **20TB:** kích thích sinh trưởng/rau cải, thanh long **40WG:** kích thích sinh trưởng/cam, thanh long, rau muống, rau cải, hồ tiêu	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Gib-gap 40SP	kích thích sinh trưởng/lúa, thanh long, cam	Công ty TNHH Gap Agro
		Gibgro 10SP, 20TB	**10SP:** kích thích sinh trưởng/lúa **20TB:** kích thích sinh trưởng/rau cải, bắp cải, thanh long	Nufarm Malaysia Sdn. Bhd.
		Gibline 10SP, 20TB	**10SP:** kích thích sinh trưởng/lúa **20TB:** kích thích sinh trưởng/lúa, thanh long	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Gibta 20TB	kích thích sinh trưởng/lúa, dưa chuột, dưa hấu, đậu	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Gippo 20TB	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH ADC
		Gibow 200WP, 200TB	**200WP:** kích thích sinh trưởng/lúa **200TB:** điều hòa sinh trưởng/thanh long	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Goliath 1SL, 10SP, 20TB, 20WP	**1SL:** kích thích sinh trưởng/lúa, thanh long, nho, cà phê, hồ tiêu **10SP:** kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP Tập đoàn Điện Bàn

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			20TB, 20WP: kích thích sinh trưởng/nho, thanh long, cà phê, hồ tiêu.	
		Greenstar 20EC, 20TB	kích thích sinh trưởng/lúa, chè	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Highplant 10WP	điều hòa sinh trưởng/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Kích phát tố lá, hạt Thiên Nông GA-3	kích thích sinh trưởng/dâu nuôi tằm, thuốc lá, artiso, cỏ chăn nuôi, rau gia vị, đay, nho, làm giá đậu	Công ty Hóa phẩm Thiên nông
		Megafarm 50TB, 200WP	**50TB:** kích thích sinh trưởng/lúa, vải, chè, cà phê, dưa hấu **200WP:** kích thích sinh trưởng/lúa, rau cải, hoa hồng, xoài, cam	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Map-Combo 10WP	kích thích sinh trưởng/lúa	Map Pacific Pte Ltd
		NanoGA3 50TB, 100WP	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		ProGibb 10SP, 40%SG	**10SP:** kích thích sinh trưởng/chè, lúa, bắp cải, đậu Hà lan, cà chua, cà rốt, cải thảo, cần tây, cà phê, hồ tiêu **40%SG:** kích thích sinh trưởng/lúa, bắp cải, đậu Hà lan, cà chua, cà rốt, cải thảo, cần tây, thanh long, nho, cà phê, hồ tiêu, xoài, cam	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Proger 20WP	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH TM Thái Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Sitto Mosharp 15SL	kích thích sinh trưởng/sắn, cà rốt	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
		Starga3 20TB	Kích thích sinh trưởng/lúa, chè	Công ty CP Hatashi Việt Nam
		Stinut 5SL	kích thích sinh trưởng/lúa, lạc, đậu đũa, cà chua, dưa chuột, bắp cải, chè, cam, quýt, hoa hồng	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Super GA_3 50TB, 100SP, 200WP	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Tony 920 40EC	kích thích sinh trưởng/lúa, chè, dưa hấu	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Tungaba 20TB	kích thích sinh trưởng/lúa, dưa chuột, dưa hấu, đậu côve, cà chua, bắp cải, chè	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Vertusuper 1SL, 1WP, 100SP	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP Vagritex
		Vigibb 1SL, 16TB, 100SP, 200WP	**16TB:** kích thích sinh trưởng/lúa **1SL, 100SP, 200WP:** kích thích sinh trưởng/lúa, chè, dưa chuột, rau cải	Công ty TNHH SX & TM Viễn Khang
		Vimogreen 1.34SL, 1.34WP, 10SG, 10TB	**1.34SL:** kích thích sinh trưởng/cải xanh, nho, lúa **1.34WP:** kích thích sinh trưởng/cải xanh, cây cảnh, hoa mai **10SG:** kích thích sinh trưởng/dưa hấu, lúa, nho, cải xanh, xoài, cà phê, nhãn, quýt **10TB:** kích thích sinh trưởng/dưa hấu, nho, nhãn, quýt, cải xanh, xoài	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Zhigip 4TB	kích thích sinh trưởng/rau cải	Công ty TNHH MTV Tô Nam Biotech
22	Gibberellic acid (1.8% GA4 + 1.8% GA7)	TT A7 3.6EC	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
23	Gibberellic acid (A4, A7)	Gib-47 2% PA	kích thích sinh trưởng/thanh long, cam, bưởi	Công ty TNHH Gap Agro
24	Gibberellic 0.3g/kg (0.5g/l), (0.5g/kg) + [N 10.7g/kg (10.5g/l), (10.5g/kg) + P_2O_5 10g/kg (20g/l), (20g/kg) + K_2O 10g/kg (20g/l), (20g/kg) + Vi lượng]	Yomione 31GR, 51SL, 51WP	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
25	Gibberellic acid 0.3g/kg (0.4g/l), (0.4g/kg) + N 10.7g/kg (10.6g/l), (10.6g/kg) + P_2O_5 10g/kg (10g/l), (10g/kg) + K_2O 10g/kg (20g/l), (20g/kg) + Vi lượng	Lucasone 31GR, 41SL, 41WP	kích thích sinh trưởng/vải	Công ty CP Vagritex
26	Gibberellin 10% + Calciumglucoheptonate 6% + Boric acid 2%	Napgibb 18SP	kích thích sinh trưởng/lúa, bưởi	Công ty TNHH Đồng Bằng Xanh

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
27	Gibberellic acid 20g/l + Cu 50g/l + Zn 50g/l + Fe 40g/l + Mg 30g/l + Mn 10g/l	Sitto Keelate rice 20SL	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
28	Gibberellic acid 20g/l + Cu 36g/l + Zn 50g/l + Mg 16g/l + Mn 16g/l + B 1g/l + Mo 1g/l + Glysine amino acid 40g/l	Sitto Give-but 18SL	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
29	Gibberellic acid 1g/l + NPK 9g/l + Vi lượng	Lục diệp tố 1SL	kích thích sinh trưởng/lúa, đậu tương, chè	Viện Bảo vệ thực vật
30	Gibberellic acid 1% + 5% N + 5% P_2O_5 + 5% K_2O	Super sieu 16SP, 16SL	**16SP:** kích thích sinh trưởng/lúa, dưa chuột, dưa hấu, cà chua, đậu côve, bắp cải, chè **16SL:** kích thích sinh trưởng/lúa, bắp cải, cải thảo, cà chua, dưa chuột, dưa hấu, nho, đậu xanh, đậu tương, chè, cà phê, hồ tiêu, điều, cây có múi, nhãn, xoài	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
31	Hymexazol (min 98%)	Higro 30WP	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		Tachigaren 30SL	điều hòa sinh trưởng/lúa, hoa cúc; héo vàng/ dưa hấu, chết cây con do nấm/lạc	Mitsui Chemicals Crop & Life Solutions, Inc.
32	Mepiquat chloride (min 98%)	Animat 40SL	kích thích sinh trưởng/lạc	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Mapix 40SL	kích thích sinh trưởng/bông vải; điều hòa sinh trưởng lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
33	Nucleotide (Adenylic acid, guanylic acid, cytidylic acid, Uridylic acid)	Anikgold 0.5SL	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
		Sunsuper 0.5SL	kích thích sinh trưởng/vải	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
34	Nucleotide 0.4g/kg (0.5g/l) + Humic acid 3.4g/kg (4g/l)	Subaygold 3.8GR, 4.5SL	**3.8GR:** kích thích sinh trưởng/chè, dưa chuột, lúa **4.5SL:** kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
35	1-Naphthylacetic acid (NAA)	RIC 10WP	kích thích sinh trưởng/cà phê; điều hòa sinh trưởng/chanh leo, cà chua, lúa, quýt, hồ tiêu, hoa hồng, nho	Công ty TNHH DV KH KT Khoa Đăng
36	α-Naphthyl Acetic Acid 0.5% (α-N.A.A) + β- Naphthoxy Acetic Acid 0.5% (β-N.A.A)	Vipac 88SP	dùng để xử lý hạt (ngâm) và dùng để phun cho lúa; kích thích sinh trưởng/ngô, cà phê, hồ tiêu	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
37	α-Naphthyl Acetic Acid (α-N.A.A) 2.5% + β- Naphthoxy Acetic Acid (β-N.A.A) 2.5%	Viprom 5SP	dùng để chiết cành hồ tiêu, cam	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
38	α-Naphthyl Acetic Acid 0.3% (α-N.A.A) + β-Naphthoxy Acetic Acid 0.3% (β-N.A.A)	Vikipi 0.6SP	kích thích sinh trưởng ra hoa, đậu quả/xoài, cam	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
39	β-Naphthoxy Acetic Acid	ViTĐQ 40SL	kích thích sinh trưởng, tăng đậu quả/cà chua, nhãn, kích thích tăng đậu quả/điều; kích thích sinh trưởng/ngô, cà phê, hồ tiêu	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
40	α-Naphthalene Acetic Acid (α-N.A.A)	Flower-95 0.3SL	kích thích sinh trưởng/xoài, sầu riêng, nhãn, lúa	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
		HD 207 1SL	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Hợp chất ra rễ 0.1SL	kích thích ra rễ, giâm cành, chiết cành/cam, hoa hồng	Công ty CP Lion Agrevo
41	Oligoglucan	Enerplant 0.01WP	kích thích sinh trưởng/lúa, cà chua, đậu Hà Lan, dâu tây, chè, mía	Công ty TNHH Ngân Anh
42	Paclobutrazol (min 95%)	Achacha 250SC	điều hòa sinh trưởng/khoai lang	Công ty TNHH Pesticide Nhật Bản
		Atomin 15WP	kích thích sinh trưởng/lạc, lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Baba-X 15WP	điều hòa sinh trưởng/khoai lang	Công ty TNHH SX và TM RVAC
		Baclolac 250SC	kích thích sinh trưởng/lạc	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
		Bidamin 15WP, 250SC	**15WP:** kích thích sinh trưởng/lúa, lạc **250SC:** kích thích sinh trưởng/lúa, lạc	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Bonsai 10WP, 25SC	kích thích sinh trưởng/lúa	Map Pacific Pte Ltd
		BrightStar 25SC	điều hòa sinh trưởng/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Dopaczol 15WP	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Farm-paclo 250SC	kích thích sinh trưởng/lạc	Công ty CP Global Farm
		Horizon 15WP	điều hòa sinh trưởng/lạc	Công ty CP Hóc Môn
		Hypac 250SC	điều hòa sinh trưởng/lúa	Shanghai Synagy Chemicals Co., Ltd.
		Kihora 15WP	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Nguyên liêu NN Mekong
		Lunar 150WP	kích thích sinh tưởng/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Newbosa 150WP, 250SC	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Paclo 15WP, 15SC	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Palove gold 15WP	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH TM DV Đức Nông
		Parlo 20WP, 25SC	**20WP:** điều hòa sinh trưởng/lúa, vừng **25SC:** kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Paxlomex 15WP, 15SC	**15WP:** kích thích sinh trưởng/lúa, lạc **15SC:** kích thích sinh trưởng/lạc	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Propac 20WP	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Mekong
		Sài gòn P1 15 WP	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Stopgrowth 15WP	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP Thanh Điền
		Super Cultar Mix 15WP	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Ngân Anh
		Toba-Jum 20WP	kích thích sinh trưởng/lạc	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
		Zuron 150WP	điều hòa sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
43	Phthalanilic acid (min 97%)	Phthalax 20SL	kích thích sinh trưởng/đậu tương	Shaanxi Bencai Agricultural Development Co., Ltd.
44	Polyphenol chiết xuất từ than bùn và lá cây vải *(Litchi chinesis sonn)*	Chocaso 0.11SL	kích thích sinh trưởng/chè, lúa	Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ hóa sinh
45	Polyphenol chiết xuất từ cây hoa hòe (*Sophora japonica* L. Schott)	Lacasoto 4SP	kích thích sinh trưởng/lúa, sắn, đậu tương, khoai lang, khoai tây, ngô, lạc	Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ hóa sinh
46	Polyphenol chiết xuất từ than bùn và lá, vỏ thân cây xoài *(Mangifera indica L)*	Plastimula 1SL	kích thích sinh trưởng/lúa, lạc, dưa chuột, bắp cải, cà chua, cải xanh, đậu tương, ớt, cà rốt, đậu xanh; xử lý hạt giống để tăng sức đề kháng của cây lúa đối với bệnh vàng lùn do virus	Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ hóa sinh
47	Prohexadione calcium (min 88%)	Biolight 100WP	điều hòa sinh trưởng/lạc	Công ty CP BVTV ATC
48	Pyraclostrobin (min 95%)	Headline 100CS, 200FS, 250EC	**100CS:** đạo ôn, lem lép hạt/lúa; đốm vòng/cà chua, phấn trắng/dưa chuột	BASF Vietnam Co., Ltd

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			200FS: xử lý hạt giống điều hòa sinh trưởng/ngô **250EC:** kích thích sinh trưởng/ngô, cà phê, đậu tương, lạc	
		Pyrolax 250EC	kích thích sinh trưởng/lạc, thán thư/cà phê, hồ tiêu	Yongnong Biosciences Co., Ltd.
		Toga 250EC	kích thích sinh trưởng/ngô	Công ty CP Nông dược HAI
		Throne 250EC	kích thích sinh trưởng/hồ tiêu	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
49	Pyraclostrobin 133g/l + Epoxiconazole 50g/l	Opera 183SE	kích thích sinh trưởng/lạc, cà phê, khô vằn/ngô, thán thư/hồ tiêu	BASF Vietnam Co., Ltd.
50	Sodium-5-Nitroguaiacolate 3g/l + Sodium-O-Nitrophenolate 6g/l + Sodium-P-Nitrophenolate 9g/l	Atonik 1.8SL	kích thích sinh trưởng/lúa, hoa, cây cảnh	Công ty TNHH ADC
51	Sodium-5-Nitroguaiacolate 0.3% + Sodium-O-Nitrophenolate 0.6% + Sodium-P-Nitrophenolate 0.9%	ACXONICannong 1.8SL	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH An Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Ausin 1.8EC	kích thích sinh trưởng/lúa	Forward International Ltd
		Gonik 1.8SL	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
		Katonic-TSC 1.8SL	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
52	Sodium-5-Nitroguaiacolate 6g/l + Sodium-O-Nitrophenolate 12g/l + Sodium-P-Nitrophenolate 18g/l	Better 3.6SL	kích thích sinh trưởng/lạc, hoa hồng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
53	Sodium-O-Nitrophenolate 0.71% + Sodium-P-Nitrophenolate 0.46% + Sodium-5-Nitroguaiacolate 0.23%	Alsti 1.4SL	kích thích sinh trưởng/hoa hồng, lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
54	Sodium-5-Nitroguaiacolate 0.3% + Sodium-O-Nitrophenolate 0.4% + Sodium-P-Nitrophenolate 0.7%	Kithita 1.4SL	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP BVTV I TW
55	Sodium-P-nitrophenolate 9g/l + Sodium-O-	AGN-Tonic 18.5SL	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH An Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
	nitrophenolate 6g/l + Sodium-5-nitroguaiacolate 3g/l + Salicylic acid 0.5g/l			
56	Sodium-5-Nitroguaiacolate (Nitroguaiacol) 0.3% + Sodium-O-Nitrophenolate (Nitrophenol) 0.6% + Sodium-P- Nitrophenolate (Nitrophenol) 0.9% + Sodium - 2,4 Dinitrophenol 0.15%	Daiwanron 1.95SL	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP Futai
		Dotonic 1.95 SL	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Jiadonix 1.95 SL	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
57	Sodium-5-Nitroguaiacolate (Nitroguaiacol) 0.085% (3g/l) + Sodium-O-Nitrophenolate (Nitrophenol) 0.185% (6g/l) + Sodium-P-Nitrophenolate	Litosen 0.59 GR, 1.95EC	kích thích sinh trưởng/lúa	Forward International Ltd

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
	(Nitrophenol) 0.285% (9g/l) + Sodium-2,4 Dinitrophenol 0.035% (1.5g/l)			
58	Sodium-5-Nitroguaiacolate (Nitroguaiacol) 3.45g/l + Sodium-O-Nitrophenolate (Nitrophenol) 6.9g/l + Sodium-P- Nitrophenolate (Nitrophenol) 10.35g/l + Sodium-2,4 Dinitrophenol 1.73g/l	Ademon super 22.43SL	xử lý hạt giống để kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP TM Hải Ánh
		Dekamon 22.43SL	kích thích sinh trưởng/lúa	P.T.Harina Chemicals Industry
59	1-Triacontanol (min 90%)	Tora 1.1SL	kích thích sinh trưởng/lúa, lạc, ngô, ớt, xoài, hồ tiêu	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
60	Uniconazole (min 90%)	Sarke 5WP	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Stoplant 5WP	điều hòa sinh trưởng/lúa, lạc	Công ty CP Đồng Xanh
		Onlai 5WP	điều hòa sinh trưởng/lạc	Công ty CP Tập đoàn King Elong

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
6. Chất dẫn dụ côn trùng:				
1	Methyl Eugenol (min 95%)	Jianet 50EC	ruồi đục quả/roi, dưa hấu	Công ty CP Jianon Biotech (VN)
2	Methyl Eugenol 75% + Dibrom (min 93%) 25%	Vizubon D AL	ruồi đục quả/bưởi	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
3	Methyl Eugenol 85% + Imidacloprid 5%	Acdruoivang 900OL	ruồi đục quả/cây có múi	Công ty TNHH MTV Lucky
4	Methyl Eugenol 75% + Naled 25%	Dacusfly 100SL	ruồi đục quả/thanh long	Công ty TNHH SX TM DV Tô Đăng Khoa
5	Methyl Eugenol 90% + Naled 5%	Flykil 95EC	ruồi đục quả/ổi	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
6	Methyl Eugenol 900g/l + Naled 50g/l	T-P Nongfeng 950SL	ruồi đục quả/nhãn	Công ty TNHH TM Thái Phong
7	Methyl Eugenol 700g/l + Propoxur (min 98%) 100g/l	Dr.Jean 800EC	ruồi đục quả/cam	Công ty TNHH US.Chemical
8	Protein thủy phân	Ento-Pro 150SL	ruồi hại quả/cây có múi, mận, đào, ổi, vải, doi, hồng, thanh long, táo, lê, đu đủ, khế, na, quất hồng bì, mướp, mướp đắng, hồng xiêm, gấc, bí đỏ, trứng gà, bí xanh, cà, ớt	Viện Bảo vệ thực vật

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
7. Thuốc trừ ốc:				
1	Cafein 1.5% + Nicotine Sulfate 0.3% + Azadirachtin 0.08%	Tob 1.88GR	ốc bươu vàng/lúa; ốc sên/cải bó xôi	Viện Khoa học vật liệu ứng dụng
2	Metaldehyde (min 98.5%)	Andolis 120AB, 190BB	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Anhead 12GR	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Assail 12.5GB	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		BN-Meta 18GR	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Bảo Nông Việt
		Bolis 12GB	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH ADC
		Bombay-ấn độ 13BR	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
		Bosago 12AB	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Boxer 15GR	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Công nghệ Nông nghiệp Chiến Thắng
		Corona 6GR, 80WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH - TM ACP
		Cửu Châu 15GR	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Duba 155GR	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
		Helix 15GB, 500WP	**15GB:** ốc bươu vàng/lúa **500WP:** ốc bươu vàng/lúa; ốc sên/cây cảnh	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Honeycin 6GR	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Nông dược HAI
		Kill snail 10GR	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Nicotex
		MAP Passion 10GR	ốc bươu vàng/lúa	Map Pacific Pte Ltd
		Metalix 180AB	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Milax 100GB	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Moioc 6GR, 12AB	**6GR:** ốc bươu vàng/lúa **12AB:** ốc sên/phong lan	Công ty CP Đồng Xanh
		Molucide 6GB, 80WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
		Notralis 18GR	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM DV Nông Trang
		Octigi 6GR	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Oxout 60AB	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Kim Điền Mekong

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Osbuvang 15GR, 80WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Passport 6AB, 300GR	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Pilot 15AB, 500WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
		Snail Killer 12RB, 800WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Sneo-lix 120AB	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Tatoo 150AB	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Tomahawk 4GR	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Toxbait 120AB	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa nông Lúa Vàng
		T-P odix 120GR	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		TRIOC annong 12WG, 80WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Trumso 222AB	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Tulip 15AB	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Yellow-K 12GB, 250SC	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
3	Metaldehyde 145g/kg + Abamectin 5g/kg	Capover 150GR	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
4	Metaldehyde 4.5% + Carbaryl 1.5%	Superdan 6GR	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
5	Metaldehyde 7% + Carbaryl 3%	Mecaba 10GR	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
6	Metaldehyde 10% + Carbaryl 20%	Omega-Snail 30GR	ốc sên/phong lan	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
7	Metaldehyde 40% + Carbaryl 20%	Kiloc 60WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH ADC
8	Metaldehyde 10% + Niclosamide 20%	MAP Pro 30WP	ốc bươu vàng/lúa	Map Pacific Pte Ltd
9	Metaldehyde 10g/kg + Niclosamide 690g/kg	Capgold 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
10	Metaldehyde 10g/kg + Niclosamide 740g/kg	Pizza 750WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
11	Metaldehyde 50g/kg + Niclosamide 700g/kg	Radaz 750WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Delta Cropcare
12	Metaldehyde 6g/kg (1g/kg), (152g/kg), (1g/l) + Niclosamide 6g/kg (704g/kg), (1g/kg), (255g/l)	Vịt Đỏ 12BR, 705WP, 153GR, 256EW	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
13	Metaldehyde 50g/kg + Niclosamide-olamine 700g/kg	TT-occa 750WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
14	Metaldehyde 400g/kg + Niclosamide-olamine 175g/kg	Goldcup 575WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH ADC
15	Metaldehyde 300g/kg + Niclosamide 500g/kg	Starpumper 800WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Công nghệ Nông nghiệp Chiến Thắng
16	Metaldehyde 300g/kg + Niclosamide-olamine 500g/kg	Npiodan 800WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
17	Metaldehyde 100g/kg + Niclosamide-olamine 700g/kg	E-bus 800WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
18	Metaldehyde 8g/kg + Niclosamide-olamine 880g/kg	Robert 888WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
19	Metaldehyde 140g/kg + Pyridaben 10g/kg	Octhailane 150GR	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
20	Niclosamide (min 96%)	Ac-snailkill 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Á Châu Hà Nội
		Aladin 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Anpuma 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Apple 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Real Chemical
		Awar 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Baycide 70WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ Cao
		Bayluscide 70WP	ốc bươu vàng/lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Bayoc 750WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM Thiên Nông
		BenRide 250EC, 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Blackcarp 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Boing 250EC, 750WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Catfish 70WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Daicosa 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Futai
		Dioto 250EC	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Duckling 250EC, 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM & SX Gia Phúc
		Hn-Samole 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Honor 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Hóc Môn
		Jia-oc 70WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Kit - super 700WP	ốc bươu vàng/lúa, rau cải	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
		Laobv 75WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Miramaxx 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Agrohao VN
		Molluska 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		Morgan star 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Mossade 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Niclosa 850WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
		No-ocbuuvang 750WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM SX GNC
		Notrasit-neo 860WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM DV Nông Trang
		NP snailicide 250EC, 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
		Ốc usa 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Phong Phú
		OBV-α 250EC, 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Oc clear 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP SAM
		Oosaka 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Ockill 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
		Ốc-ôm 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Đông Nam Đức Thành
		Ossal 500SC, 700WP, 700WG	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Pazol 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Nicotex

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Pisana 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Prize 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Sieu naii 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Snail 250EC, 500SC, 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Sun-fasti 25EC, 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Sundat (S) Pte Ltd
		Topsami 871WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
		Transit 750WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		TT-snailtagold 750WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Tung sai 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Vdcsnail new 750WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Viniclo 70WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		VT-dax 10GR, 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Znel 70WP	ốc bươu vàng/lúa	Eastchem Co., Ltd.

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
21	Niclosamide 700g/kg + Abamectin 20g/kg	OBV gold 720WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
22	Niclosamide 720g/kg + Abamectin 30g/kg	Lino sachoc 750WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Liên nông Việt Nam
23	Niclosamide 745g/kg + Abamectin 5g/kg	Caport 750WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
24	Niclosamide 757g/kg + Abamectin 20g/kg	Antioc 777WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
25	Niclosamide 500g/kg + Carbaryl 200g/kg	Brengun 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
26	Niclosamide 680g/kg + Carbaryl 22g/kg	Oxdie 702WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
27	Niclosamide 700g/kg + Pyridaben 50g/kg	Ocindia 750WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
28	Niclosamide-olamine (min 98%)	Amani 70WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
		BN-Nisa 860WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Bảo Nông Việt
		Chopper 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP TM Hải Ánh
		Clodansuper 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Dioto 830WG	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Dobay 810WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Thành
		Morningusa 870WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Ocny 555SC, 860WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		Queenly 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Kiên Nam
		Sachoc TSC 850WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
		Snailgold 700WP	ốc sên nhỏ/phong lan	Công ty CP Hóa nông AMC
		Startac 250 WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Tanthanh-oc 250SC, 760WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Delta Cropcare
		Truocaic 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
29	Niclosamide-olamine 500g/l + Abamectin 20g/l	Cửu Châu Nghệ 520SC	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
30	Niclosamide-olamine 780g/kg + Abamectin 20g/kg	Bayermunich-đức 800WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
31	Saponin	Abuna 15GR	ốc bươu vàng/lúa; ốc sên/cải xanh; ốc nhớt, ốc sên/cải củ, súp lơ	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Anponin 150SB, 150WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Asanin 15WP, 15GR, 35SL	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Thanh Điền
		Bai yuan 15SB	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH SX TM DV Hải Bình
		Dibonin super 15WP	ốc bươu vàng/lúa; ốc sên, ốc nhớt/cải xanh	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Espace 15WP, 21.5BR	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP VT Nông nghiệp Tiền Giang
		Golfatoc 150GR	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		Maruzen Vith 15WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Việt Thăng
		Nomain 15WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Occa 15WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		O.C annong 150WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Ốc tiêu 15GR	ốc bươu vàng/lúa; ốc sên, ốc nhớt/cải xanh	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Parsa 15WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
		Pamidor 50WP, 150BR	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH MTV SX TM XNK Hung Xiang (Việt Nam)
		Phenocid 20 WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Được Mùa
		Raxful 15WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Rumba 15BR	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
		Sabonil 15GR	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Hóa nông An Giang
		Safusu 20AP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Long Sinh
		Sapo 150WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Sapoderiss 70%BR	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM - SX Phước Hưng
		Saponolusa 150BR, 150GR	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Saponular 15GR	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
		Soliti 15WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Nicotex

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Super Fatoc 150WP, 150GR	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Teapowder 150BR	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Thiocis 150GR	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Hóa nông Mỹ Việt Đức
		Tranin super 18WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
8. Chất hỗ trợ (chất trải):				
1	Azadirachtin (min 15%)	Dầu Nim Xoan Xanh Xanh 0.15EC	hỗ trợ tăng hiệu quả của thuốc trừ bọ cánh tơ, rầy xanh/chè; hỗ trợ tăng hiệu quả của thuốc trừ sâu tơ/cải bắp; hỗ trợ tăng hiệu quả của thuốc trừ mốc sương/khoai tây	Công ty TNHH Ngân Anh
2	Chất căng bề mặt 340g/l + dầu khoáng 190g/l + Ammonium sulphate 140g/l	Hot up 67SL	làm phụ trợ cho nhóm thuốc trừ cỏ sau nảy mầm không chọn lọc; làm tăng hiệu quả diệt cỏ	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
3	Esterified vegetable oil (min 60%)	Hasten® 70.4SL	tăng hiệu quả của nhóm thuốc trừ cỏ chọn lọc sau nảy mầm/lúa thuộc nhóm sulfonyl urea, cyclohexanedion, bipyridilium; tăng hiệu quả của nhóm thuốc trừ sâu thuộc nhóm pyrethroid, carbamate; tăng hiệu quả của nhóm thuốc trừ bệnh/cây trồng thuộc nhóm triazole.	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Rocten 748SL	tăng hiệu quả của thuốc bảo vệ thực vật sử dụng trên cây lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
4	Esters of botanical oil (min 80%)	Subain 99SL	hỗ trợ thuốc trừ sâu nhóm: Carbamate (rầy nâu/lúa), Lân hữu cơ (sâu cuốn lá/lúa), Pyrethroid (sâu xanh/rau cải); hỗ trợ thuốc trừ bệnh nhóm: Triazole (khô vằn/lúa); hỗ trợ thuốc trừ cỏ nhóm: Sulfonyl urea (cỏ/lúa)	Công ty CP Multiagro
5	Trisiloxane ethoxylate	Enomil 30SL	hỗ trợ tăng hiệu quả của thuốc trừ sâu, trừ bệnh, trừ cỏ	Công ty CP Enasa Việt Nam
II. THUỐC TRỪ MỐI:				
1	Bifenthrin (min 97%)	Termifinn 2.5EC	mối/công trình xây dựng	Công ty CP US Farm Việt Nam
2	Beta-naphthol 1% + Fenvalerate 0.2%	Dầu trừ mối M-4 1.2SL	mối trong bảo quản gỗ	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
3	Bistrifluron (min 95%)	Xterm 1%	mối/công trình xây dựng	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
4	Chlorantraniliprole (min 93%)	Altriset® 200SC	mối/công trình xây dựng	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
5	Chlorfenapyr (min 94%)	Mythic 240SC	mối/công trình xây dựng	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Pekamoi 250SC	mối/công trình xây dựng	Công ty TNHH Tập đoàn An Nông
		Ozaki 240SC	mối/công trình xây dựng, đê điều	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
6	Chlorfluazuron (min 94%)	Requiem 1 RB	mối/công trình xây dựng	Ensystex Australasia Pty Ltd.
7	Disodium Octaborate Tetrahydrate (min 98%)	Bora-Care 40SC	mối/công trình xây dựng	Công ty TNHH TM DV Toàn Diện
8	Extract of Cashew nut shell oil (min 97%)	Wopro$_2$ 10FG	mối/công trình xây dựng	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
9	Fenvalerate (min 93%)	Wazary 10SC	mối/công trình xây dựng	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
10	Hexaflumuron (min 95%)	Mobahex 7.5 RB	mối/công trình xây dựng	Viện Sinh thái và Bảo vệ công trình
		Sentricon® HD 0.5RB	mối/công trình xây dựng	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
11	Imidacloprid (min 96%)	Hunter 50SC	mối/công trình xây dựng, đê điều	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
		Imi.moi 250SC	mối/công trình xây dựng	Công ty TNHH Tập đoàn An Nông
		Mantra TC 30.5SC	mối/công trình xây dựng	Công ty TNHH Hóa sinh Vinchem
		Premise 200SC	mối/công trình xây dựng	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Termize 200SC	mối/công trình xây dựng	Imaspro Resources Sdn Bhd

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
12	Metarhizium anisopliae M1 & M7 10^8 - 10^9 bào tử/ml	Metavina 80LS	mối/đê, đập	Công ty CP Công nghệ Sinh Thái Việt
13	Permethrin (min 92%)	Map boxer 30EC	mối/công trình xây dựng	Map Pacific Pte Ltd
14	Na_2SiF_6 50% + H_3BO_3 10% + $CuSO_4$ 30%	PMC 90 DP	mối/cây lâm nghiệp	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
15	Na_2SiF_6 80% + $ZnCl_2$ 20%	PMs 100 CP	mối/nền móng, hàng rào quanh công trình xây dựng	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
16	Spinosad (min 85%)	Lazer 480SC	mối/công trình xây dựng	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
III. THUỐC BẢO QUẢN LÂM SẢN:				
1	Cypermethrin (min 90%)	KAntiborer 10EC	mọt/gỗ	Behn Meyer Specialty Chemical Sdn Bhd.
2	Deltamethrin (min 98%)	Cease 25EC	mọt/gỗ	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Cislin 2.5EC	mối, mọt/gỗ	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
3	Extract of Cashew nut shell oil (min 97%)	$Wopro_1$ 9AL	mối/gỗ	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
4	$CuSO_4$ 16% + CuO 2% + $K_2Cr_2O_7$ 2%	M_1 20LA	con hà/thuyền gỗ, ván thuyền	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
5	$CuSO_4$ 80% + $K_2Cr_2O_7$ 18% + CrO_3 2%	CH_G 100SP	con hà, nấm mục/thuyền gỗ, ván thuyền	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
6	$CuSO_4$ 50% + $K_2Cr_2O_7$ 50%	XM_5 100SP	nấm, mục, côn trùng/tre, gỗ, song, mây	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
7	$ZnSO_4 .7H_2O$ 60% + NaF 30%	LN_5 90SP	nấm, mục, côn trùng/gỗ sau chế biến, song, mây, tre	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
IV . THUỐC KHỬ TRÙNG KHO:				
1	Aluminium Phosphide (min 83%)	Alumifos 56% tablet	côn trùng/kho	Asiagro Pacific Ltd
		Celphos 56% tablets	sâu mọt/kho tàng	Sumitomo Chemical India Limited
		Mephos 56TB	côn trùng/nông sản	Mebrom Ltd
		Phostoxin 56% viên tròn, viên dẹt	côn trùng, chuột/kho tàng	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		Quickphos 56%TB	côn trùng/kho tàng, nông sản	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Sanphos 56TB	mọt gạo/kho	Công ty CP Trừ mối khử trùng
2	Magnesium phosphide (min 88%)	Magtoxin 66 tablets, pellet	côn trùng, chuột/kho tàng	Công ty CP Khử trùng Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Magnophos 56% Plate	mọt/kho thuốc lá	Công ty TNHH UPL Việt Nam
3	Pirimiphos-methyl (min 88%)	Actellic® 50EC	sâu mọt/kho tàng, mọt/kho bảo quản ngô	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
V. THUỐC SỬ DỤNG CHO SÂN GOLF.				
1. Thuốc trừ bệnh:				
1	Metalaxyl-M (min 91%)	Subdue Maxx® 240SL	héo rũ tàn lụi/cỏ sân golf	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
2	Propiconazole (min 90%)	Banner Maxx® 156EC	đốm nâu/cỏ sân golf	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
2. Thuốc trừ cỏ:				
1	Trifloxysulfuron-sodium (min 89%)	Monument® 100OD	cỏ/sân golf	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
3. Thuốc điều hòa sinh trưởng:				
1	Trinexapac-Ethyl (min 94%)	Primo Maxx® 120SL	điều hòa sinh trưởng/cỏ sân golf	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
VI. THUỐC XỬ LÝ HẠT GIỐNG				
1. Thuốc trừ sâu:				
1	Cyantraniliprole 240g/l + Thiamethoxam 240g/l	Fortenza® Duo 480FS	xử lý hạt giống trừ sâu keo mùa thu, sâu xám/ngô	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
2	Dinotefuran 25% + Hymexazol (min 98%) 15%	Sakura 40WP	xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Mitsui Chemicals Crop & Life Solutions, Inc.
3	Imidacloprid (min 96%)	Barooco 600FS	xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
		Dimida 600FS	xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Gaucho 70WS, 600FS	**70WS:** xử lý hạt giống trừ rầy nâu, rầy xanh, bọ trĩ, ruồi/lúa; xử lý hạt giống trừ sâu chích hút/bông vải; xử lý hạt giống trừ sâu trong đất/ngô **600FS:** xử lý hạt giống trừ rệp/bông vải, xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy nâu/lúa; xử lý hạt giống trừ rệp muội/ngô	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Gaotra 600FS	xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
4	Imidacloprid 300g/kg + Metconazole 360g/kg	Kola gold 660WP	xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bệnh lúa von/lúa	Công ty TNHH ADC
		Obawin 660WP	xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
5	Imidacloprid 370g/kg + Metconazole 300g/kg	London-anh quốc 670FS	xử lý hạt giống trừ rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
6	Imidacloprid 233g/l + Tebuconazole 13g/l	Hektor 246FS	xử lý hạt giống trừ sâu xám/ngô	Công ty TNHH UPL Việt Nam
7	Thiamethoxam (min 95%)	Cruiser® 350FS	xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy xanh, rệp/bông vải; xử lý hạt giống trừ sâu xám/ngô; xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		DN Affara 25WG	xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM DV Đức Nông
		Reno 350FS	xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
8	Thiamethoxam 300g/l + Azoxystrobin 50g/l + Prochloraz 62.5g/l	Pre-pat 412.5FS	xử lý hạt giống trừ rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
9	Thiamethoxam 250g/l + Difenoconazole 75g/l	Anrusher 325FS	xử lý hạt giống trừ rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
10	Thiamethoxam 262.5g/l + Difenoconazole 25g/l + Fludioxonil 25g/l	Cruiser® Plus 312.5FS	xử lý hạt giống để trừ bọ trĩ, rầy nâu, rầy lưng trắng, lúa von/lúa; xử lý hạt giống trừ sâu xám/ngô; xử lý hạt giống trừ bệnh lở cổ rễ cây con/đậu tương; xử lý hạt giống trừ bệnh chết ẻo cây con/lạc	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
2. Thuốc trừ bệnh:				
1	Fludioxonil (min 96.8%)	Celest 025FS	xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
2	Fludioxonil 25g/l + Metalaxyl-M 10g/l	Maxim XL 035FS	xử lý hạt giống trừ bệnh chết cây con/ngô	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
3	Ipconazole (min 95%)	Jivon 6WP	xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
4	Isotianil (min 96%)	Routine 200SC	đạo ôn/lúa (xử lý hạt giống), bạc lá/lúa, héo xanh/cà chua	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
5	Isotianil 200g/l + Trifloxystrobin 80g/l	Routine start 280FS	xử lý hạt giống trừ đạo ôn/lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
6	Metconazole (min 94%)	Provil super 10SL	xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
7	Metalaxyl-M (min 91%)	Apron® XL 350ES	xử lý hạt giống trừ bệnh mốc sương (bạch tạng)/ngô	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
8	Metalaxyl (min 95%)	Neutral 317FS	xử lý hạt giống trừ bệnh bạch tạng/ngô	Công ty TNHH UPL Việt Nam
9	Metiram complex 650g/kg + Thiamethoxam 150g/kg	Biwonusa 800WP	xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
10	Oxathiapiprolin (min 95%)	Lumisena™ 200FS	xử lý hạt giống trừ bệnh sọc lá/ngô	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
11	Tebuconazole (min 95%)	Foniduc 450SC	xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
12	Triflumizole (min 99.38%)	Trifmine 15EC	xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
V. THUỐC BẢO QUẢN NÔNG SẢN SAU THU HOẠCH.				
1	Chlorpropham (min 98%)	Oorja 50HN	bảo quản/khoai tây	Công ty TNHH UPL Việt Nam

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục II
DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT CẤM SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)
Thuốc trừ sâu, thuốc bảo quản lâm sản	
1	Aldrin
2	BHC, Lindane
3	Cadmium compound (Cd)
4	Carbofuran
5	Chlordane
6	Chlordimeform
7	DDT
8	Dieldrin
9	Endosulfan
10	Endrin
11	Heptachlor
12	Isobenzan
13	Isodrin

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)
14	Lead (Pb)
15	Methamidophos
16	Methyl Parathion
17	Monocrotophos
18	Parathion Ethyl
19	Sodium Pentachlorophenate monohydrate
20	Pentachlorophenol
21	Phosphamidon
22	Polychlorocamphene
23	Trichlorfon (Chlorophos)
Thuốc trừ bệnh	
1	Arsenic (As)
2	Captan
3	Captafol
4	Hexachlorobenzene
5	Mercury (Hg)
6	Selenium (Se)
Thuốc trừ chuột	
1	Talium compond
Thuốc trừ cỏ	
1	2,4,5-T